

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH
TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-PT

Ngày 02/01/2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ma Hồng Thắng
- Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Hương
Ông Ma Ngọc Trung

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Ánh Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:* Bà Nguyễn Hữu Tình- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2019/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 300/2019/HNGĐ-ST, ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2019/QĐ-PT, ngày 08 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thu H**, sinh năm 1993. Có mặt.

ĐKKHKT: Tổ 6, (tổ 11 cũ), phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện nay: Tổ 7, (tổ 4 cũ), phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

2. Bị đơn: Anh **Mai Xuân Q**, sinh năm 1991. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 6, (tổ 11 cũ), phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Mai Xuân Q - ông Hoàng Hải B – Luật sư Văn phòng luật sư I- Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Tổ 8, thị trấn N, huyện A, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Mai Xuân Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày:* Chị và anh Mai Xuân Q xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn

toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/5/2014 tại UBND phường Y, thành phố T. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng nhà chồng tại tổ 11, phường Y, thành phố T, cả hai vợ chồng đều làm nghề tự do. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Q không có lập trường, không nhìn nhận và đánh giá đúng mọi vấn đề, thường nghe dư luận nói không có căn cứ và vô cớ chửi bới vợ con, thậm chí nhiều lần xúc phạm đến danh dự của chị, dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, bản thân chị nuôi con nhỏ nhưng bố mẹ chồng không thông cảm, yêu cầu chị phải góp tiền hàng tháng cho bố mẹ trong khi bản thân anh Q không đóng góp cùng chị để lo trang trải sinh hoạt gia đình và nuôi con cái, cuộc sống của chị luôn bị o ép, bị phụ thuộc hoàn toàn vào gia đình nhà chồng, mâu thuẫn với gia đình nhà chồng. Bản thân chị luôn căng thẳng, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không có hạnh phúc, từ lâu hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa, nên đến tháng 6/2019 chị chuyển về tổ 4, phường Y La ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án cho chị và anh Q được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Mai Duy K, sinh ngày 22/11/2015, khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Vì hiện tại chị đang làm cắt tóc gội đầu, cung cấp đồ chơi cho Trường mầm non Ban Mai Xanh, làm thêm tại cơ sở sản xuất đậu thu nhập từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng. Hiện tại bố mẹ chị đang làm nhà cho chị ở tại tổ 04, phường Y, thành phố T, chị có thu nhập và chỗ ở ổn định đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con

Về tài sản chung: Chị xác định, chị và anh Q có tài sản chung là xe máy Honda, đăng ký xe mang tên chị, nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị và anh Q không vay nợ ai hay cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, phiên hoà giải và tại phiên toà bị đơn anh Mai Xuân Q trình bày:* Anh và chị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 15/5/2014 tại UBND phường Y, thành phố T. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sinh sống cùng nhà bố mẹ anh tại tổ 11 (nay là tổ 6), phường Y, thành phố T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 6/2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do chị H có quan hệ với người đàn ông khác nhiều lần đã bị anh phát hiện qua tin nhắn điện thoại, sau đó chị H đã xin lỗi anh và bố mẹ anh, để vợ chồng hàn gắn tình cảm và trở lại bình thường, nhưng chỉ được một thời gian đến tháng 6/2019 chị H tự ý bỏ nhà đi, sau đó chị H làm đơn xin ly hôn với anh, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn anh nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Mai Duy K, sinh ngày 22/11/2015, hiện tại đang ở với anh và bố mẹ anh. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án

giải quyết để anh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vì hiện tại anh có mức thu nhập ổn định bình quân là 20.000.000 đồng/tháng, anh có máy móc và là thành viên làm cho Hợp tác xã sản xuất dịch vụ nông nghiệp Ý La. Anh có đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị H có tài sản chung là 01 xe máy, nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Anh và chị H không vay nợ ai hay cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 300/2019/HNGĐ-ST, ngày 01 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhân sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thu H và anh Mai Xuân Q.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Mai Duy K, sinh ngày 22/11/2015 cho chị Nguyễn Thu H là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Mai Xuân Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị H không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/11/2019, bị đơn anh Mai Xuân Q có đơn kháng cáo không nhất trí bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 300/2019/HNGĐ-ST, ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T về phần con chung, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao con chung là Mai Duy K cho anh trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tại phiên toà phúc thẩm bị đơn anh Mai Xuân Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị: Toà án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Mai Duy K, sinh ngày 22/11/2015, vì hiện tại anh có mức thu nhập ổn định hơn (thu nhập 20.000.000đ/tháng), anh có nhà ở, có thời gian chăm sóc con chung và có điều kiện để nuôi con hơn chị H. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Còn chị H không có nhà ở, phải ở chung cùng vợ chồng chị gái, thu nhập không ổn định, làm công việc cắt tóc gội đầu không có thời gian trông nom, chăm sóc con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Mai Xuân Q đề nghị: Tại thời điểm giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cháu Mai Duy K đã đủ 4 tuổi nên không thể áp dụng điều 81 Luật Hôn nhân gia đình như cấp sơ thẩm áp dụng để giải quyết. Việc nuôi con là quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của cả bố lẫn mẹ. Căn cứ vào điều kiện kinh

tế và các điều kiện khác như chỗ ở, điều kiện chăm sóc con thì anh Q có điều kiện hơn, anh Q có nhà ở ổn định, bố mẹ còn khỏe có thể hỗ trợ anh Q trong việc chăm sóc con. Suốt 4 năm qua cháu Khánh vẫn ở với ông bà nội đến khi chị H bỏ đi cháu Khánh vẫn ở với ông bà nội. Chị H đi làm thuê nhiều công việc nên không chủ động về thời gian; thu nhập của chị H là không thực tế vì không có hợp đồng lao động; nhà chị H đang ở là nhà chung không phải là nhà riêng của chị H. Do vậy, xét về điều kiện thì anh Q có đủ điều kiện và đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung hơn chị H, đề nghị HĐXX xem xét giao con chung cho anh Mai Xuân Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thu H đề nghị: Giữ nguyên án sơ thẩm, giao con chung là cháu Mai Duy K, sinh ngày 22/11/2015 cho chị trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục vì chị có đủ điều kiện nuôi con chung, có công việc đảm bảo thu nhập nuôi con chung (thu nhập 11.000.000đ/tháng), chị đã có nhà ở do bố mẹ mua đất làm nhà cho, nhưng trước đây vì hai vợ chồng đang có mâu thuẫn nên đã để chị gái của chị là chị Nguyễn Thị O đứng tên, nay chị gái và anh rể đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn anh Mai Xuân Q hợp lệ, trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Xét về thu nhập và chỗ ở thì cả chị Nguyễn Thu H và anh Mai Xuân Q đều có đủ điều kiện nuôi con chung. Tuy nhiên, cháu Mai Duy K, sinh ngày 22/11/2015 mới được hơn 04 tuổi, còn quá nhỏ cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ, vì vậy cấp sơ thẩm giao cháu Mai Duy K cho mẹ cháu là Nguyễn Thu H nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin được nuôi con chung của anh Mai Xuân Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung, giao cháu Mai Duy K, sinh ngày 22/11/2015 cho chị Nguyễn Thu H là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Mai Xuân Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Mai Xuân Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về yêu cầu kháng cáo của anh Mai Xuân Q:

Hội đồng xét xử thấy rằng chị Nguyễn Thu H và anh Mai Xuân Q có 01 con chung là cháu Mai Duy K, sinh ngày 22/11/2015; do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H đã chuyển về tổ 4, phường Ý La ở từ tháng 6/2019, hiện nay cháu Khánh đang ở cùng anh Q. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh Q, chị H đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung. Xét về điều kiện nuôi con của anh Q và chị H, cả hai đều là lao động tự do nên mức thu nhập của chị H và anh Q như xác minh tại cấp sơ thẩm là có căn cứ. Anh Q cho rằng anh làm xã viên của Hợp tác xã, thu nhập bình quân hàng tháng 20.000.000 đồng. Chị H cho rằng chị đi làm cắt tóc gội đầu, làm đậu và cung cấp đồ chơi cho trường mầm non thu nhập khoảng 11.000.000đ/tháng. Như vậy, xét về mức thu nhập thì cả chị H và anh Q đều có thu nhập để nuôi con. Về chỗ ở, anh Q cho rằng chị H không có chỗ ở phải đi ở nhà chị gái. Chị H xác định chị đã có nhà ở do bố mẹ mua đất làm nhà cho, nhưng trước đây vì hai vợ chồng đang có mâu thuẫn nên đã để chị gái của chị là chị Nguyễn Thị O đứng tên. Tại phiên tòa chị H cung cấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/12/2019 giữa người chuyển nhượng chị Nguyễn Thị O, anh Đào Bá C và người nhận chuyển nhượng chị Nguyễn Thu H. Như vậy, xét về điều kiện kinh tế, thu nhập, chỗ ở thì cả chị Nguyễn Thu H và anh Mai Xuân Q đều có đủ điều kiện nuôi con chung. Tuy nhiên xét thấy hiện nay cháu Mai Duy K mới được hơn 04 tuổi, cháu còn quá nhỏ cần có sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ, vì vậy cấp sơ thẩm giao cháu Mai Duy K cho mẹ cháu là Nguyễn Thu H nuôi dưỡng, giáo dục, anh Mai Xuân Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị H không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là có căn cứ. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin được nuôi con chung của anh Mai Xuân Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân không có kháng cáo; các quan hệ về tài sản chung, nợ chung không có và không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh Mai Xuân Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo xin được nuôi con chung của anh Mai Xuân Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung như sau:

1. Giao cháu Mai Duy K, sinh ngày 22/11/2015 cho chị Nguyễn Thu H là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Mai Xuân Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Mai Xuân Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số 0001141 ngày 27/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Anh Q đã nộp đủ án phí.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 02/01/2020)./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố T;
- Chi Cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ma Hồng Thắng

